

Bản án số 53/2019/HS-PT
Ngày 26 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.
Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân
Bà Nguyễn Thị Thu Từ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm C khai vụ án Hình sự thụ lý số 24/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo Đậu Văn C và Bùi Quốc L bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 47/2018/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đậu Văn C, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 22 tháng 5 năm 1993 tại thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Khối V, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Đậu Toàn T; Họ tên mẹ: Ngô Thị Tr; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án: +) Ngày 18 tháng 5 năm 2016, tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 160/2016/HSST, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bản án Hình sự phúc thẩm số 132/2016/HSPT ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm;

+) Ngày 22 tháng 11 năm 2016, tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 131/2016/HSST, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của Bản án Hình sự phúc thẩm số 132/2016/HSPT, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 năm 09 tháng tù.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6, Bộ C an và được trích xuất để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử và hiện đang tạm giam từ ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại Trại tạm giam C an tỉnh Nghệ An, có mặt tại phiên tòa.

2. **Bùi Quốc L**, tên gọi khác: Bùi Văn L; Sinh ngày 20 tháng 6 năm 1990 tại Hện T, tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Bùi Văn H; Họ tên mẹ: Hồ Thị V; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27 tháng 4 năm 2018 đến ngày 01 tháng 6 năm 2018 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

- Bị hại: C ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kinh tế H.

Địa chỉ: Số 32, Đường T, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H; chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2015, Hồ Viết H, trú tại xóm 12, xã X, Hện N, tỉnh Nghệ An và Đậu Văn C đưa cho Nguyễn Lê Đ một giấy tờ đăng ký xe ô tô số 025785 biển kiểm soát 37A - 119.87; một giấy chứng minh nhân dân đều mang tên Ngô Duy Th và nhờ Nguyễn Lê Đ làm cho H một giấy đăng ký xe ô tô giả nhưng không nói cho Đ biết mục đích làm giấy đăng ký xe ô tô giả để làm gì. Nguyễn Lê Đ đồng ý và cầm giấy đăng ký xe ô tô bản phô tô còn giấy chứng minh nhân dân thì trả lại cho Đậu Văn C. Sau đó, Đ lên mạng internet tìm địa chỉ và đã thuê một người không quen biết làm một Giấy đăng ký xe ô tô số 025785 biển kiểm soát 37A - 11987 mang tên Ngô Duy Th. Sau khi làm xong giấy đăng ký xe ô tô giả thì Đ đưa đến cho H và C nhưng không gặp Đ để giấy tờ xe tại phòng trọ của H và C ở phía sau khách sạn Phương H 1, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Đến ngày 08 tháng 01 năm 2016, Nguyễn Lê Đ gặp Đậu Văn C thì C và Đ bàn nhau thuê xe ô tô tự lái để làm phương tiện đi lại nhưng vì Đ và C không có giấy phép lái xe ô tô nên Đ đã điện thoại cho Nguyễn Kim H, sinh năm 1960, trú tại xóm 5, xã N, Hện N, tỉnh Nghệ An, đi thuê hộ cho Đ 01 chiếc xe ô tô tự lái và thuê Nguyễn Kim H lái xe luôn thì Nguyễn Kim H đồng ý; đồng thời đưa cho Nguyễn Kim H số tiền là 10.000.000 đồng để trả tiền thuê xe. Nguyễn Kim H và Nguyễn Lê Đ đến Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kinh tế H ở Số 32, Đường T, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An do anh Nguyễn Quốc H làm giám đốc để thuê xe ô tô. Tại đây, anh Nguyễn Quốc H đồng ý cho Nguyễn Kim H thuê chiếc ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu sơn bạc, biển kiểm soát 37A - 119.87. Sau khi thuê được xe thì Nguyễn Kim H, Nguyễn Lê Đ và Đậu Văn C dùng xe ô tô vừa thuê được đi đến tỉnh Hà Tĩnh để chơi. Đến ngày 11 tháng 01 năm 2016, khi hết tiền thì Đ nảy sinh ý định đưa chiếc xe ô tô đi cầm cố lấy tiền nên nói với C là trước đó H và C đã nhờ Đ làm 01 bộ giấy tờ đăng ký xe giả trùng với chiếc xe ô tô đang đi, về lấy đưa đi cầm cố thì C đồng ý. Đ, C, Hùng đi về phòng trọ của H ở sau khách sạn Phương

H1, thành phố V, tỉnh Nghệ An lấy giấy đăng ký xe ô tô giả mà Đ đã thuê làm trước đó, rồi đi vào Hà Tĩnh để cầm cố xe nhưng không được, nên quay về. Trên đường đi về thì Đ điện thoại cho Bùi Quốc L, sinh năm 1990, trú tại xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An nhờ L đứng ra cầm cố xe thì L đồng ý. Đến sáng hôm sau Đậu Văn C điều khiển chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu sơn bạc, biển kiểm soát 37A - 119.87 chở Nguyễn Lệ Đ đến Bến xe phía Bắc thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đón Bùi Quốc L rồi đi đến một hiệu chụp ảnh gần Quảng trường Hồ Chí Minh để Bùi Quốc L chụp ảnh của mình. Sau khi có ảnh của Bùi Quốc L thì Đậu Văn C lấy một giấy chứng minh nhân dân mang tên Ngô Duy Th và lấy ảnh của L dán vào rồi cầm giấy chứng minh nhân dân chà xuống đất để làm cho giấy chứng minh nhân dân cũ tránh sự nghi ngờ, sau đó, C và L đem giấy chứng minh nhân dân đi phô tô.

Đến ngày 12 tháng 01 năm 2016, Đậu Văn C điều khiển xe ô tô chở Nguyễn Lệ Đ và Bùi Quốc L đến nhà anh Phạm Thế D, sinh năm 1985 ở xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đặt vấn đề cầm cố xe ô tô mang nhãn hiệu Toyota Vios màu sơn bạc, biển kiểm soát 37A - 119.87 lấy số tiền là 200.000.000 đồng thì Phạm Thế D đồng ý, đồng thời L để lại một Giấy đăng ký xe ô tô số 025785, biển kiểm soát 37A - 119.87 mang tên Ngô Duy Th và một bản sao Giấy chứng minh nhân dân số 186968366 mang tên Ngô Duy Th. Phạm Thế D đưa cho L số tiền là 200.000.000 đồng, L cầm số tiền rồi đưa cho Nguyễn Lệ Đ. Số tiền 200.000.000 đồng, Đ đưa cho C 120.000.000 đồng, đưa cho L số tiền là 25.000.000 đồng, đưa cho Hùng 20.000.000 đồng, số tiền còn lại Đ đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 22 tháng 01 năm 2016, Nguyễn Lệ Đ gọi điện thoại cho Phạm Thế Dũng đặt vấn đề vay thêm cho Bùi Văn L số tiền là 100.000.000 đồng và sẽ cộng số tiền này vào số tiền 200.000.000 đồng đã cầm cố xe ô tô trước đó thì Phạm Thế Dũng đồng ý. Sau đó Đậu Văn C điều khiển chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10 chở Nguyễn Lệ Đ và Bùi Quốc L đi đến một quán cà phê ở thị trấn Nam Đàn, Hện Nam Đàn. Khi gần về đến nơi thì Đậu Văn C dặn Nguyễn Lệ Đ và Bùi Quốc L: “Cẩn thận không Dũng phát hiện ra giấy tờ giả”. Còn Nguyễn Lệ Đ và Bùi Quốc L đi vào quán cà phê gặp Phạm Thế Dũng. Tại đây, Phạm Thế D lấy số tiền 100.000.000 đồng và viết giấy cầm cố xe với tên Ngô Duy Th. Đến ngày 02 tháng 02 năm 2016, không thấy Nguyễn Lệ Đ, Bùi Quốc L đến lấy xe nên anh D làm đơn trình báo với Công an huyện Nam Đàn. Đến ngày 09 tháng 9 năm 2017 và ngày 27 tháng 4 năm 2018, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Nguyễn Lệ Đ và Bùi Quốc L đã đến cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 24 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đã kết luận: “Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu sơn bạc, biển kiểm soát 37A - 119.87 có trị giá 464.000.000 đồng”.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 47/2018/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; xử phạt bị cáo Đậu

Văn C 05 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 15 năm 09 tháng tù.

- Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; xử phạt bị cáo Bùi Quốc L 02 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 12 năm 2018, bị cáo Đậu Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 năm tù là quá nặng. Trong quá trình điều tra và xét xử, bị cáo đã khắc phục hết số tiền đền bù cho người hại, gia đình bị cáo có bố là bộ đội kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tham gia quân tình nguyện Việt Nam chiến đấu tại Lào và Campuchia, mẹ bị cáo là thanh niên xung phong, bị cáo hiện đang mắc bệnh lao phổi kháng thuốc và bị bệnh hẹp lòng ngực bẩm sinh. Hơn nữa, bản thân bị cáo đang chấp hành hình phạt 10 năm 09 tháng tù, hiện tình trạng sức khỏe rất yếu.

Ngày 13 tháng 12 năm 2018, bị cáo Bùi Quốc L kháng cáo xin hưởng án treo, với lý do: Bị cáo thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng tội nhưng vì bạn bè rủ rê nên mới phạm tội.

Tại phiên tòa, bị cáo Đậu Văn C giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Bị cáo Bùi Quốc L và người đại diện theo pháp luật của bị hại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kinh tế H đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt, Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đậu Văn C, Bùi Quốc L và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; xử phạt bị cáo Đậu Văn C 05 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 15 năm 09 tháng tù. Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; xử phạt bị cáo Bùi Quốc L 02 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Quốc L và người đại diện theo pháp luật của bị hại đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt. Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của bị hại không kháng cáo; tại phiên tòa, bị cáo Bùi Quốc L vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử, không ra

bản án không có lợi cho bị cáo, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội thấy rằng: Trong khoảng thời gian đầu năm 2016, Nguyễn Kim H, Nguyễn Lê Đ đến Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kinh tế H do anh Nguyễn Quốc H làm giám đốc để thuê một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu sơn bạc, biển kiểm soát 37A - 119.87 làm phương tiện đi lại. Sau khi thuê được xe, H, Đ và Đậu Văn C dùng xe ô tô mới thuê đi đến tỉnh Hà Tĩnh để chơi. Đến ngày 11 tháng 01 năm 2016, do không có tiền tiêu xài cá nhân, Đậu Văn C nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, cầm cố chiếc xe ô tô để lấy tiền. Do trước đó đã làm sẵn một số giấy tờ giả mạo nên Đ và C đã cùng với Bùi Quốc L đã mang xe ô tô biển kiểm soát 37A - 119.87 đến nhà anh Phạm Thế Dũng để cầm cố với số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi bị phát hiện và bị tố giác, các bị cáo Đậu Văn C và Bùi Quốc L đã đến cơ quan C an để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của các bị cáo Đậu Văn C và Bùi Quốc L là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của C dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đều là những người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do không có tiền tiêu xài cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Thông qua việc thuê tài sản của người bị hại, sau đó bằng thủ đoạn gian dối, các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu sơn bạc, biển kiểm soát 37A - 119.87 có giá trị 464.000.000 đồng, không chỉ gây thiệt hại về vật chất cho người bị hại mà còn gây mất gây trật tự trị an, tạo dư luận xấu, ảnh hưởng các quan hệ dân sự hợp pháp trong xã hội và cuộc sống của người dân trên địa bàn. Tòa án cấp sơ thẩm sau khi xem xét các chứng cứ, tình tiết của vụ án; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; căn cứ các quy định của pháp luật để xét xử các bị cáo Đậu Văn C và Bùi Văn L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đậu Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo không kháng cáo về tội danh mà chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Đậu Văn C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người bàn bạc với Nguyễn Lê Đ, sau đó thực hiện thủ đoạn gian dối để Bùi Quốc L cầm cố xe ô tô nên có vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng nhưng nhân thân đã 02 lần bị Tòa án xét xử và kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thể hiện bị cáo là một đối tượng liều lĩnh, coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước. Bị cáo sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, bố bị cáo là người có C với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân H chương và bằng khen là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng khi quyết định hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật

Hình sự năm 2015. Xét thấy, mức hình phạt 05 năm tù bị cáo bị xử phạt là mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đậu Văn C, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng pháp luật. Ngoài ra, bản án sơ thẩm cũng đã tính đúng thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam và thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt tù tại Bản án số 131/2016/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2016.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Bùi Văn L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án, bị cáo là người có vai trò thấp nhất nhưng lại là người trực tiếp thực hiện việc giao dịch cầm cố tài sản. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có ba tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; gia đình bị cáo có bố có C với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân H chương và bằng khen quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng khi quyết định hình phạt. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L không xuất trình thêm được các tình tiết giảm nhẹ nào mới. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo L 02 năm tù là mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 175 và cũng là mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, vị trí vai trò trong vụ án và nhân thân của bị cáo, cần cách ly bị cáo Bùi Quốc L ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật và cũng mang tính phòng ngừa chung. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Đậu Văn C và Bùi Quốc L kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Ngoài ra, căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị các bị cáo Đậu Văn C và Bùi Văn L còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định trong bản án là thiếu sót và cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đậu Văn C, Bùi Quốc L và giữ nguyên bản án sơ thẩm,

- Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số

41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; xử phạt bị cáo Đậu Văn C 05 (Năm) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 10 năm 09 tháng tù tại Bản án số 131/2016/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 (Mười lăm) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 8 năm 2018, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 07 tháng 12 năm 2015 đến ngày 16 tháng 12 năm 2015 và thời gian đã chấp hành hình phạt tại Bản án số 131/2016/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An từ ngày 23 tháng 3 năm 2016 đến ngày 19 tháng 8 năm 2018.

- Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; xử phạt bị cáo Bùi Quốc L 02 (Hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27 tháng 4 năm 2018 đến ngày 01 tháng 6 năm 2018.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc Đậu Văn C và Bùi Quốc L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND Hện Nam Đàn;
- VKSND, CA Hện Nam Đàn;
- Chi cục THADS Hện Nam Đàn;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- UBND phường Đ Vĩnh;
- UBND xã Hưng Đ;
- Lưu Tòa Hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đăng Phôn